

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **261/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-7-2020

V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn
2. Ông Trần Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về “yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm 1981; Địa chỉ: số nhà 108/6 ấp Thạnh Mỹ, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn H, sinh năm 1979. Địa chỉ: số nhà 108/6 ấp Thạnh Mỹ, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị H, anh H có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Chị và anh Võ Văn H tự nguyện sống chung vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian sống chung chị và anh H có 02 con chung là cháu Võ Văn H, sinh ngày 30/4/2001 và cháu Võ Hoàng Gi, sinh ngày 30/6/2006. Tài sản chung không có tài sản gì đáng giá nên chị không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

Nguyên nhân chị yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với anh H là do trong thời gian chung sống anh H không biết chăm lo cho gia đình mà có tính ham mê cờ bạc, chị có nhiều lần can ngăn nhưng anh H không nghe mà thậm chí còn đánh đập chị. Vì thương các con nên chị bỏ qua những lỗi lầm của anh H nhưng

anh H vẫn không sửa đổi. Xét thấy không thể tiếp tục sống chung nên chị và anh H đã ly thân từ tháng 01/2020 đến nay, hiện nay chị không còn tình cảm với anh H nên chị muốn chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với anh H.

Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Võ Hoàng Gi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Theo nội dung bản khai ngày 14/4/2020 và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Võ Văn H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian anh và chị H sống chung, về việc không có đăng ký kết hôn; về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của các con chung. Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản gì đáng giá. Về nợ chung: Anh và chị H không có nợ chung.

Nay chị H yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với anh thì anh đồng ý, vì hiện nay chị H không còn yêu thương anh, nếu tiếp tục sống chung sẽ không có hạnh phúc. Anh thừa nhận trước đây anh có đi theo mấy người bạn tham gia đánh bài nhưng sau khi chị H biết được thì anh đã không còn chơi nữa và lo làm ăn.

Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Võ Hoàng Gi cho chị H Nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con, cháu H đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có nên anh không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở lời trình bày của đương sự và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị H thì chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn H nên xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Trong vụ án này, bị đơn anh Võ Văn H cư trú tại xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị H và anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh H.

[3] Về hôn nhân: Thấy rằng, chị H và anh H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi cưới, chị H và anh H có khoảng thời gian dài sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và hiện

nay không còn sống chung, từ khi không còn sống chung đến nay anh, chị không có thiện chí hàn gắn cuộc sống vợ chồng mà mâu thuẫn giữa anh chị ngày thêm trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung. Do đó, việc chị H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh H và anh H cũng đồng ý chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Võ Văn H, sinh ngày 30/4/2001, đã trưởng thành, chị H và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với cháu Võ Hoàng Gi, sinh ngày 30/6/2006 thấy rằng, từ khi chị H và anh H không còn sống chung, chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Gi, tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 30/6/2020 thì cháu Gi trình bày nguyện vọng là muốn sống chung với mẹ, anh H cũng đồng ý cho cháu Giang được sống chung với chị H. Do đó, để không làm thay đổi môi trường sống của cháu Giang nên giao con chung cháu Võ Hoàng Gi, sinh ngày 30/6/2006 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị H và anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị H phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H. Không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thị H và anh Võ Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Võ Văn H, sinh ngày 30/4/2001 đã trưởng thành, chị H và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị Đặng Thị H được trực tiếp nuôi con chung Võ Hoàng Gi, sinh ngày 30/6/2006. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Võ Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Đặng Thị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị H và anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009509 ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Đào Hồng Vân